

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15-6-2021

V/v: Không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Sỹ Phác

2. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lang Ngân T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn 07, xã Đăk R, huyện M, tỉnh N (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Vi Thị P, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn 07, xã Đăk R, huyện M, tỉnh N (Vắng mặt – có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 12/4/2021, lời khai trong quá trình điều tra anh Lang Ngân T trình bày: Anh và chị Vi Thị P chung sống với nhau từ năm 2000 không có đăng ký kết hôn, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, Trong quá trình sống chung, anh, chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình, vợ chồng không hợp nhau, chị P không chăm lo cuộc sống gia đình, suốt ngày chơi bời nên anh, chị sống ly thân với nhau từ tháng 1/2018 đến nay, nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Vi Thị P.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh, chị có 03 người con chung là cháu Lang Thị Thu H, sinh ngày 13/10/2001, cháu Lang Thị Ngọc C, sinh ngày 24/5/2003 và cháu Lang Trọng P, sinh ngày 11/9/2007. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lang Trọng P, sinh ngày 11/9/2007 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có yêu cầu giải quyết.

- Theo lời khai của chị Vi Thị P trong quá trình điều tra: chị P thừa nhận cuộc sống gia đình không hợp nhau dẫn đến mâu thuẫn, dần dần vợ chồng không còn tình cảm nữa, đã ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Chị P đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T và không có ý kiến gì, chị P đồng ý giao cháu Lang Trọng P, sinh ngày 11/9/2007 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Và đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 97, Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15; Điều 51 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Lang Ngân T và chị Vi Thị P là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Lang Trọng P, sinh ngày 11/9/2007 cho anh Lang Ngân T chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí: Anh Lang Ngân T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Lang Ngân T yêu cầu xin ly hôn với chị Vi Thị P, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Vi Thị P đang cư trú tại Thôn 07, xã R, huyện M, tỉnh N. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết là

đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Ngày 18/5/2021, chị Vi Thị P và anh Lang Ngân T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Vi Thị P và anh Lang Ngân T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Lang Ngân T:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2000 anh T và chị P trên cơ sở tự nguyện đã chung sống với nhau như vợ chồng đến nay. Tuy không đăng ký kết hôn, nhưng được sự chứng kiến của hai bên họ hàng. Lẽ ra, khi đã là vợ chồng thì anh, chị phải yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững. Nhưng trái lại, khi bước vào cuộc sống chung thì cả hai cùng bộc lộ những tính cách khác nhau, lối sống trái ngược nhau, vợ chồng không thông cảm với nhau, không nhường nhịn nhau mà thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong quá trình điều tra chị P cũng thừa nhận là vợ chồng có quá nhiều mâu thuẫn nên hôn nhân không thể kéo dài. Việc ly hôn thật sự là cần thiết để giải phóng cho một cuộc hôn nhân không đạt được mục đích. Xét thấy, anh T, chị P cũng đã có thời gian sống ly thân từ tháng 1/2018 cho đến nay và không quan tâm đến nhau nữa. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị P là trầm trọng. Hôn nhân của anh, chị thật sự không đạt được mục đích. Vì vậy, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử xác định, chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T và giải quyết anh T được ly hôn với chị P. Anh Lang Ngân T và chị Vi Thị P đều đồng ý thuận tình ly hôn, do đó Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T là phù hợp. Tuy nhiên, hôn nhân giữa anh, chị không có đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 14, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ giữa anh T và chị P không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[2.2] Về con chung: Giao cháu Lang Trọng P, sinh ngày 11/9/2007 cho anh Lang Ngân T chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng.

[3]. Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Lang Ngân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 14; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lang Ngân T. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Lang Ngân T và chị Vi Thị P là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lang Trọng P, sinh ngày 11/9/2007 cho anh Lang Ngân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các cháu.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: các đương sự không có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 ; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Anh Lang Ngân T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006562 ngày 23/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh N.

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện Đắk Mil;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thế Thắng